

Số: /SKHCN-KHTC

Đồng Nai, ngày tháng 7 năm 2026

V/v mời báo giá thẩm định giá dự toán
Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống
thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng
hóa thành phố Đồng Nai năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị thẩm định giá trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 21/05/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Thuê Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thành phố Đồng Nai năm 2026”;

Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-SKHCN ngày 06/7/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về thực hiện nhiệm vụ: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thành phố Đồng Nai năm 2026.

Để thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đồng Nai trân trọng kính mời các đơn vị quan tâm, có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia gửi báo giá phí dịch vụ thẩm định giá cho dự toán nêu trên với các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về tài sản thẩm định giá:

- Tên dự toán: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thành phố Đồng Nai năm 2026.

- Giá trị dự toán tạm tính: 1.012.720.500 đồng.

2. Yêu cầu đối với hồ sơ báo giá gồm có:

- Báo giá phí dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm thuế và các chi phí liên quan).

- Hồ sơ năng lực của đơn vị thẩm định giá (Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá).

- Dự thảo Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.

3. Thời hạn và địa điểm nhận hồ sơ:

- Thời hạn: Trước 16h00 ngày 25/7/2026.

- Địa điểm: Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đồng Nai.

- Địa chỉ: Số 1597 đường Phạm Văn Thuận, phường Trảng Biên, TP Đồng Nai.

- Đầu mối liên hệ: Bà Nguyễn Thị Nguyên - chuyên viên phòng Kế hoạch - Tài chính (Điện thoại: 0918.447.021).

Sở Khoa học và Công nghệ rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các đơn vị.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng TĐC;
- Lưu VT, KHTC. (Nguyên)

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Trinh

Phụ lục I

(Đính kèm văn bản số...../SKHCN-KHTC ngày /7/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Nhóm chức năng	Mô tả chức năng	Đối tượng sử dụng/ kết quả đầu ra	ĐVT	Số lượng
1	Quản trị hệ thống, tài khoản và phân quyền	Thiết lập không gian quản lý cho thành phố Đồng Nai; khởi tạo tài khoản cơ quan quản lý, tài khoản doanh nghiệp/hợp tác xã/cơ sở sản xuất; phân quyền theo vai trò người dùng; khóa/mở tài khoản; quản lý trạng thái người dùng; ghi nhận lịch sử đăng nhập và thao tác cơ bản.	Cơ quan quản lý, đơn vị cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp. Kết quả: hệ thống có tài khoản, quyền truy cập và phạm vi dữ liệu rõ ràng cho từng nhóm người dùng.	Gói	01
2	Quản lý danh mục dùng chung	Thiết lập và quản lý các danh mục phục vụ quản lý truy xuất nguồn gốc: địa bàn, nhóm ngành hàng, loại sản phẩm, loại hình cơ sở, loại chứng nhận, trạng thái hồ sơ, trạng thái sản phẩm, trạng thái mã truy xuất, đơn vị tính và các danh mục liên quan.	Cơ quan quản lý, quản trị hệ thống. Kết quả: dữ liệu được chuẩn hóa, thống nhất khi doanh nghiệp khai báo và khi tổng hợp báo cáo.		
3	Quản lý tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống	Quản lý thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh, chủ thẻ OCOP và các tổ chức/cá nhân tham gia hệ thống; cập nhật thông tin pháp lý, mã số thuế, địa chỉ, người đại diện, thông tin liên hệ, ngành hàng, địa bàn quản lý, trạng thái tham gia hệ thống.	Doanh nghiệp khai báo/cập nhật; cơ quan quản lý theo dõi, kiểm tra. Kết quả: hình thành danh sách cơ sở tham gia truy xuất nguồn gốc trên địa bàn.		
4	Quản lý hồ sơ pháp lý, chứng nhận và tài liệu đính kèm	Cho phép cập nhật, lưu trữ và quản lý các tài liệu liên quan như giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng nhận OCOP, VietGAP, GlobalGAP, HACCP, ISO, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện, phiếu kiểm nghiệm, tài liệu công bố chất lượng, hình ảnh và hồ sơ liên quan khác.	Doanh nghiệp, cơ quan quản lý. Kết quả: hồ sơ chứng minh năng lực/chất lượng sản phẩm được lưu trữ tập trung để phục vụ kiểm tra, đối chiếu và hiển thị có chọn lọc khi truy xuất.		

STT	Nhóm chức năng	Mô tả chức năng	Đối tượng sử dụng/ kết quả đầu ra	ĐVT	Số lượng
5	Quản lý sản phẩm, hàng hóa	Khai báo và quản lý thông tin sản phẩm/hàng hóa: tên sản phẩm, hình ảnh, mô tả, nhóm sản phẩm, thương hiệu/nhãn hiệu, quy cách đóng gói, đơn vị tính, tiêu chuẩn/chứng nhận áp dụng, hồ sơ liên quan, trạng thái công khai hoặc tạm ẩn.	Doanh nghiệp khai báo; cơ quan quản lý giám sát. Kết quả: hình thành hồ sơ sản phẩm phục vụ tạo mã truy xuất và công bố thông tin cho người tiêu dùng.		
6	Quản lý vùng sản xuất, vùng trồng, cơ sở sản xuất, cơ sở đóng gói	Quản lý thông tin vùng trồng/vùng sản xuất/cơ sở sản xuất/cơ sở đóng gói/cơ sở kinh doanh: tên địa điểm, địa chỉ, tọa độ hoặc bản đồ nếu có, quy mô/diện tích, người phụ trách, sản phẩm liên quan, mã vùng trồng hoặc mã cơ sở nếu có, hồ sơ chứng nhận liên quan.	Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất; cơ quan quản lý. Kết quả: truy xuất được địa điểm phát sinh sản phẩm, phục vụ quản lý theo địa bàn và chuỗi cung ứng.		
7	Quản lý quy trình, chuỗi cung ứng và công đoạn truy xuất	Thiết lập, cập nhật và quản lý các công đoạn trong quá trình sản xuất, chế biến, đóng gói, vận chuyển, phân phối, bán lẻ hoặc các bước nghiệp vụ phù hợp với từng nhóm sản phẩm. Mỗi công đoạn có thể ghi nhận thời gian, địa điểm, người thực hiện, mô tả thao tác, hình ảnh/tài liệu và dữ liệu liên quan.	Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất cập nhật; cơ quan quản lý tra cứu, kiểm tra. Kết quả: thể hiện được luồng truy xuất và thông tin chuỗi cung ứng của sản phẩm.		
8	Quản lý lô sản xuất/lô hàng	Khởi tạo và quản lý lô sản xuất/lô hàng theo sản phẩm: mã lô, ngày sản xuất, ngày đóng gói, hạn sử dụng nếu có, số lượng, đơn vị tính, cơ sở sản xuất/cơ sở đóng gói, nguyên liệu hoặc công đoạn liên quan, trạng thái lô hàng và lịch sử cập nhật.	Doanh nghiệp. Kết quả: dữ liệu truy xuất gắn theo từng lô, phục vụ phát hành mã QR/mã truy xuất và truy vết khi có yêu cầu.		
9	Nhật ký điện tử và cập nhật dữ liệu thực tế	Hỗ trợ doanh nghiệp/cơ sở cập nhật nhật ký sản xuất, nhật ký chăm sóc, nhật ký thu hoạch, nhật ký sơ chế/chế biến, nhật ký đóng gói, giao nhận hoặc các nhật ký nghiệp vụ khác tùy mô hình sản xuất, có thể kèm hình ảnh, thời gian, địa điểm và người thực hiện.	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất. Kết quả: dữ liệu thực tế được ghi nhận, bổ sung vào hồ sơ truy xuất của sản phẩm/lô hàng.		

STT	Nhóm chức năng	Mô tả chức năng	Đối tượng sử dụng/ kết quả đầu ra	ĐVT	Số lượng
10	Quản lý mã truy xuất nguồn gốc	Hỗ trợ tạo lập, quản lý, phát hành và theo dõi mã truy xuất nguồn gốc/mã QR theo sản phẩm hoặc lô hàng; gắn mã với sản phẩm/lô hàng; kiểm tra lịch sử và trạng thái sử dụng mã.	Doanh nghiệp tạo và sử dụng mã; cơ quan quản lý theo dõi, thống kê. Kết quả: sản phẩm/lô hàng có mã truy xuất để dán/in trên bao bì và phục vụ người tiêu dùng tra cứu.		
11	Ứng dụng di động/giao diện di động hỗ trợ nghiệp vụ	Hỗ trợ thao tác nhanh trên thiết bị di động như cập nhật nhật ký, chụp ảnh, quét mã tem, kiểm tra trạng thái mã, kích hoạt hoặc gắn mã với sản phẩm/lô hàng, cập nhật thông tin thực địa theo phân quyền và theo chức năng sẵn có của hệ thống thuê.	Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, cán bộ được phân quyền nếu có. Kết quả: giảm thao tác nhập liệu tại hiện trường, hỗ trợ cập nhật dữ liệu kịp thời.		
12	Trang tra cứu công khai cho người tiêu dùng	Cung cấp trang hiển thị thông tin khi người tiêu dùng quét mã QR hoặc tra cứu sản phẩm, gồm các thông tin công khai như tên sản phẩm, hình ảnh, đơn vị sản xuất/kinh doanh, địa chỉ, thông tin lô hàng, thời gian sản xuất/đóng gói/hạn sử dụng nếu có, chứng nhận, quy trình/công đoạn truy xuất và thông tin liên hệ phù hợp với dữ liệu doanh nghiệp công bố.	Người tiêu dùng, tổ chức/cá nhân tra cứu. Kết quả: nâng cao minh bạch thông tin sản phẩm, hỗ trợ nhận diện nguồn gốc sản phẩm/hàng hóa.		
13	Tra cứu, kiểm tra và giám sát dữ liệu truy xuất	Cho phép cơ quan quản lý tra cứu doanh nghiệp, sản phẩm, lô hàng, mã QR, trạng thái dữ liệu, trạng thái công bố; kiểm tra thông tin sản phẩm khi có phản ánh; ghi nhận yêu cầu bổ sung/chỉnh sửa hoặc tạm ẩn/tạm khóa dữ liệu theo phân quyền và quy trình quản lý.	Cơ quan quản lý. Kết quả: hỗ trợ quản lý nhà nước, kiểm tra thông tin và theo dõi mức độ hoàn thiện dữ liệu của các cơ sở trên địa bàn.		
14	Báo cáo, thống kê và dashboard phục vụ quản lý nhà nước, doanh nghiệp	Tổng hợp báo cáo và biểu đồ thống kê về số lượng doanh nghiệp tham gia, số sản phẩm, số lô hàng, số mã truy xuất/QR sản phẩm theo địa bàn, nhóm ngành hàng, trạng thái dữ liệu; hỗ trợ xuất dữ liệu theo biểu mẫu phù hợp nếu hệ thống có sẵn.	Cơ quan quản lý, doanh nghiệp. Kết quả: có công cụ tổng hợp, theo dõi và báo cáo tình hình triển khai truy xuất nguồn gốc trên địa bàn.		

STT	Nhóm chức năng	Mô tả chức năng	Đối tượng sử dụng/ kết quả đầu ra	ĐVT	Số lượng
15	Kết nối, chia sẻ và chuẩn hóa dữ liệu	Hỗ trợ chuẩn hóa dữ liệu truy xuất nguồn gốc; cung cấp khả năng kết nối/chia sẻ dữ liệu qua API hoặc phương thức kỹ thuật phù hợp với hệ thống/cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia và các hệ thống liên quan khi có yêu cầu, điều kiện kỹ thuật và phạm vi được phê duyệt.	Cơ quan quản lý, đơn vị cung cấp dịch vụ. Kết quả: dữ liệu có khả năng kết nối, chia sẻ, hạn chế nhập liệu trùng lặp và phục vụ quản lý liên thông.		
16	Quản trị vận hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật	Duy trì hoạt động hệ thống trong thời gian thuê dịch vụ; xử lý lỗi kỹ thuật; hỗ trợ tài khoản người dùng; hỗ trợ cấu hình, phân quyền, khai thác báo cáo; bảo trì, cập nhật trong phạm vi chức năng hiện có; tiếp nhận và xử lý yêu cầu hỗ trợ theo thỏa thuận dịch vụ.	Đơn vị cung cấp dịch vụ, cơ quan quản lý, doanh nghiệp. Kết quả: hệ thống hoạt động ổn định, người dùng được hỗ trợ trong quá trình sử dụng.		